TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2023/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 21 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Xuân S, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1984; địa chỉ: Tổ *, Ấp H, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 6 năm 2023 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân S và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2017 ngày 01/3/2017.

Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 15/11/2019 hiện nay đang ở với chị T.

Hai đương sự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng thỏa thuận anh Nguyễn Xuân S đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu N định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn (tháng 7/2023) cho đến khi cháu N trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Hai đương sự thoả thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

[5]Về nợ chung: Hai đương sự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Hai đương sự thoả thuận chị T chịu toàn bộ Lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Anh Nguyễn Xuân S và chị Nguyễn Thị T.

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 15/11/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi bản thân.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Xuân S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 15/11/2019 định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi ly hôn (tháng 7/2023) cho đến khi cháu N trưởng thành.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

-Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

-Về nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2.Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0006860 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự huyện Phong Điền. Chị T đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
-UBND xã Phong Sơn
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt